

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2024

“V/v Xin ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tám;

- Ông Lê Văn Tám;

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bi đơn:** Nguyễn Văn D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh D chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phước T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy đăng ký kết hôn số 72 ngày 08/8/2005. Trong thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh D .

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H , sinh ngày 19/6/2001 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 01/12/2009. Cháu Ngọc H đã trưởng thành không yêu giải quyết. Khi ly hôn Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Mỹ D, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Liên.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh D kết hôn năm 2005 có 02 con chung. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Tại đơn xin ly hôn Chị L yêu cầu ly hôn với anh D. Tại phiên tòa anh D vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị Liên. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Liên.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H , sinh ngày 19/6/2001 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 01/12/2009. Cháu Ngọc H đã trưởng thành không yêu giải quyết. Khi ly hôn Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Mỹ D, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của Chị L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 08/8/2005 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh D vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai Chị L yêu cầu được ly hôn với anh D lý do anh cho rằng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị thấy không thể hàn gắn tình cảm được, nên yêu cầu được ly hôn với anh D .

Tại phiên tòa anh D vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị Liên. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị L là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Liên.

[3] Về con chung: Chị L và anh D Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H , sinh ngày 19/6/2001 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 01/12/2009. Cháu Ngọc H đã trưởng thành không yêu giải quyết. Khi ly hôn Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Mỹ D, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của Chị L là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L .

- **Về quan hệ hôn nhân:**Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D .

- **Về con chung:** Giao cho chị Trần Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 01/12/2009.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0004538 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Ca, tỉnh Tiền Giang.

- Về quyền kháng cáo:

Chị L, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Nông sởi (nĩa thi haønh);
- UBND xã Mỹ Phước Tây;
- Lầu hoà sỏ.

Nguyễn Hòa Hợp

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Chiêm Đặng Thành Duy**;

+ Ông **Lê Văn Tánh**;

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung ” giữa:

- **Nguyên đơn**: **Phạm Thị Hồng M** , sinh năm 2000;

Địa chỉ: số 268 tổ 4, ấp 1, xã Trung A, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn**: **Võ Mạnh K** , sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ H , thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

2. Văn bản và điều luật áp dụng:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 các Điều 81, 82, 83 ,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3.

3. Nội dung tranh chấp:

Xử: **Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng M.**

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Phạm Thị Hồng M được ly hôn với anh Võ Mạnh K .

- **Về con chung**: Giao cho chị Phạm Thị Hồng M tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Duy Khánh, sinh ngày 11/11/2019. Chị Mai không yêu cầu anh Khang cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

4. Các vấn đề khác:

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Hồng M phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0018511 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Về quyền kháng cáo:

Chị M, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)